

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 21 tháng 5 năm 2020

V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Cương.

2. Bà Vũ Thị Thu Ngát.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21-5-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2019/TLST-DS ngày 10/12/2019 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 16-3-2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-DS ngày 04-5-2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản GB, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Đình T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền cho chị Trần Thị D, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI D VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Trần Thị D trình bày:*

Gia đình chị làm nghề kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Từ khoảng năm 2015 chị có bán cám cho gia đình anh T để chăn nuôi gà phát triển kinh tế gia đình. Khi mua bán, hai bên thống nhất hết lứa chăn nuôi (khoảng 04 tháng) thì anh T phải thanh toán cho chị toàn bộ tiền cám còn nợ. Đến ngày 17-9-2015 thì hai bên không

mua bán cám với nhau nữa, hai bên chốt nợ thì anh T còn nợ chị 99.995.000 đồng tiền cám. Sau đó, chị đã đi lại đòi nợ nhiều lần thì anh T có trả cho chị một số khoản. Lần trả nợ gần nhất là ngày 22-12-2016 anh T trả cho chị số tiền 2.500.000 đồng, còn nợ lại 42.495.000 đồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T phải trả cho vợ chồng chị số tiền gốc là 42.495.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 22-12-2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

\* *Tại bản tự khai chị Hoàng Thị N trình bày:* Tôi có được lấy cám của chị D về chăn nuôi gà, không may bị thua lỗ nên còn nợ lại khoảng 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Nay chị D khởi kiện tôi đồng ý trả chị D số tiền trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi năm 5.000.000 đồng.

\* Anh Đặng Văn T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Đình T đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên toà. Bị đơn là anh Đặng Văn T, chị Hoàng Thị N chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D: Buộc anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị N phải trả cho chị Trần Thị D và anh Đỗ Đình T số tiền gốc là 42.495.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 22-12-2016 đến ngày 21-5-2020. Kể từ sau ngày xét xử nếu anh T, chị N không thanh toán hết tiền cho chị D, anh T thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Về án phí: Anh Toàn, chị Minh không phải chịu án phí. Anh T, chị N được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị D khởi kiện anh T, chị N yêu cầu trả tiền mua cám còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Anh T, chị N cùng có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Thế nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Anh Đặng Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lí do, chị Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị N.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra năm 2015, kéo dài đến năm 2016, đến nay đang được thực hiện, có nội D và hình thức và phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

**[2]. Về nội D:**

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D về việc yêu cầu anh T, chị N trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Việc chị D bán cám cho anh T và chị N và còn nợ lại 42.495.000 đồng là có thật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về việc đòi nợ gốc.

- Về yêu cầu trả lãi: Xét thấy, từ năm 2015 các bên đã không mua bán cám nữa, theo thỏa thuận của các bên thì sau khoảng 3 đến 4 tháng anh T, chị N phải thanh toán hết số nợ cho chị D, anh T. Tuy nhiên, tính đến tháng 12-2016 anh T, chị N còn nợ lại là 42.495.000 đồng do đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự. Về mức lãi suất 0,83 %/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 22-12-2016 như chị D yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D.

**[3]. Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu tiền án phí. Anh Đặng Văn T, chị Hoàng Thị N thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 228, Điều 271; Điều 273; Điều 147, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 430; Điều 434; Khoản 3 Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 của Luật

Hôn nhân gia đình; Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

**1.** Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị N phải trả cho chị Trần Thị D và anh Đỗ Đình T số tiền gốc là 42.495.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi tính từ ngày 22-12-2016 đến ngày 21-5-2020 là 14.448.900 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm đồng), tổng cộng là 56.943.900 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Về tiền án phí: Chị Trần Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Trần Thị D số tiền 1.062.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004581 ngày 03-12-2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị N thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Trang**